

Pivot Pins

Both Ends Tapped, Both Ends Threaded

Both Ends Tapped

RoHS 10

Type	Material	Hardness	Surface Treatment
CLBM	S45C Equivalent	-	Black Oxide
CLBHM		40~45HRC	
PCLBM		-	
PCLBHM	SUS304	40~45HRC	Electroless Nickel Plating
SCLBM		-	
SCLBHM	SUS440C Equivalent	45 ~ 50HRC	-

CLBM, PCLBM may have identification grooves on the side in order to distinguish them from Hardened Type.
For L Dimension, Standard Machining Tolerances (Class: Medium) is used.

25 / (1.6 /)

D Tolerance (g6)	
6	-0.004 -0.012
8, 10	-0.005 -0.014
12~18	-0.006 -0.017
20~25	-0.007 -0.020

(CLBM, PCLBM) Identification grooves

Part Number Type	D	L 0.1mm Increment	M (Coarse)	N (Coarse)	Unit Price					
					CLBM	CLBHM	PCLBM	PCLBHM	SCLBM	SCLBHM
CLBM CLBHM PCLBM PCLBHM SCLBM SCLBHM	6	20.0~100.0	M 3	M 3						
	8	20.0~100.0	M 5	M 5						
	10	25.0~100.0	M 6	M 6						
	12	25.0~200.0								
	13	35.0~200.0	M 8	M 8						
	14									
	15									
	16	40.0~200.0	M10	M10						
	17									
	18									
	20	50.0~200.0	M12	M12						
	22									
25										

⚠ SCLBHM may be discolored by hardening. ⚠ For full length L, Mx2+Nx2<L is required.

Both Ends Threaded

RoHS 10

Type	Material	Hardness	Surface Treatment	Accessory
CLBN	S45C Equivalent	-	Black Oxide	Nut 2 pcs.
CLBHN		40~45HRC		
SCLBN	SUS304	-	-	M SWRCH M SUS304 Equivalent
SCLBHN	SUS440C Equivalent	40~45HRC	-	

For L Dimension, Standard Machining Tolerances (Class: Medium) is used.
CLBN may have identification grooves on the side in order to distinguish it from Hardened Type.

25 / (1.6 /)

D Tolerance (g6)	
6	-0.004 -0.012
8, 10	-0.005 -0.014
12~18	-0.006 -0.017
20~25	-0.007 -0.020

Part Number Type	D	L 0.1mm Increment	F, T	M (Coarse)	Unit Price			
					CLBN	CLBHN	SCLBN	SCLBHN
CLBN CLBHN SCLBN SCLBHN	6	15.0~100.0	9	M 5				
	8	20.0~100.0		M 6				
	10	25.0~100.0		M 8				
	12	25.0~200.0	16	M10				
	13							
	14							
	15	30.0~200.0	18	M12				
	16							
	17							
	18	35.0~200.0	24	M16				
	20							
	22							
25			M20					

Ordering Example: Part Number **CLBM15** - **L** 120.3

Alterations: Part Number **CLBM10** - **L** 50 - **MC3** (MC, NC, NMC, NNC)

Alterations	Thread Diameter	Thread Diameter																																								
Code	MC, NC	NMC, NNC																																								
Spec.	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Ordering Code</th> <th>MC3</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>D</td> <td>MC, NC (Selection Range)</td> </tr> <tr> <td>8</td> <td>3 4</td> </tr> <tr> <td>10</td> <td>4 5</td> </tr> <tr> <td>12</td> <td>4 5</td> </tr> <tr> <td>13, 14</td> <td>5 6</td> </tr> <tr> <td>15</td> <td>5 6 8</td> </tr> <tr> <td>16~18</td> <td>6 8</td> </tr> <tr> <td>20, 22</td> <td>8 10</td> </tr> <tr> <td>25</td> <td>10 12</td> </tr> </tbody> </table> <p>⚠ Not applicable to D6. ⚠ L:MCx2-NCx2 ⚠ Not applicable to Both Ends Threaded Type.</p>	Ordering Code	MC3	D	MC, NC (Selection Range)	8	3 4	10	4 5	12	4 5	13, 14	5 6	15	5 6 8	16~18	6 8	20, 22	8 10	25	10 12	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Ordering Code</th> <th>NMC8</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>D</td> <td>NMC, NNC (Selection Range)</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>3 4</td> </tr> <tr> <td>8</td> <td>3 4 5</td> </tr> <tr> <td>10</td> <td>4 5 6</td> </tr> <tr> <td>12, 13</td> <td>4 5 6 8</td> </tr> <tr> <td>14</td> <td>4 5 6 8 10</td> </tr> <tr> <td>15~17</td> <td>5 6 8 10</td> </tr> <tr> <td>18, 20</td> <td>6 8 10 12</td> </tr> <tr> <td>22, 25</td> <td>8 10 12 16</td> </tr> </tbody> </table> <p>⚠ Not applicable to Both Ends Tapped Type.</p>	Ordering Code	NMC8	D	NMC, NNC (Selection Range)	6	3 4	8	3 4 5	10	4 5 6	12, 13	4 5 6 8	14	4 5 6 8 10	15~17	5 6 8 10	18, 20	6 8 10 12	22, 25	8 10 12 16
	Ordering Code	MC3																																								
D	MC, NC (Selection Range)																																									
8	3 4																																									
10	4 5																																									
12	4 5																																									
13, 14	5 6																																									
15	5 6 8																																									
16~18	6 8																																									
20, 22	8 10																																									
25	10 12																																									
Ordering Code	NMC8																																									
D	NMC, NNC (Selection Range)																																									
6	3 4																																									
8	3 4 5																																									
10	4 5 6																																									
12, 13	4 5 6 8																																									
14	4 5 6 8 10																																									
15~17	5 6 8 10																																									
18, 20	6 8 10 12																																									
22, 25	8 10 12 16																																									